TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST Ngày: 15/6/2022 V/v: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Hanh

2/ Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 06 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50A/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đậu Thị Tr, sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: Thôn Ngọc Tân, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: Thôn Mã Ngừ, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn**:** Anh Dương Văn L – sinh năm 1988 (vắng mặt)

Chỗ ở: thôn Ngọc Tân, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13/10/2021 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đậu Thị Tr trình bày: Chị và anh Dương Văn L kết hôn với nhau ngày 31/10/2012 trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Tr về nhà anh L làm dâu ngay. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống nên hau cãi vã, anh L chơi bời, rượu chè, có quan hệ bất chính với người khác. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng tháng 11/2021 đến nay. Mâu

thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng tháng 11/2022 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Dương Văn L không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn L.

Về con chung: Chị Tr xác định vợ chồng có ba con chung là: Dương Thùy Dung, sinh ngày 25/4/2013; Dương Việt Hoàng, sinh ngày 04/11/2014 và Dương Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2020. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung là Dương Việt Hoàng và Dương Thảo Nhi. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung,tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn L trình bày: anh và chị Tr kết hôn với nhau ngày 31/10/2012. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi vợ chồng kết hôn chị Tr về nhà anh làm dâu ngay cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi vợ chồng xây nhà mới thì tính cách của chị Tr thay đổi, anh cảm thấy bản thân anh không được chị Tr và gia đình nhà chị Tr tôn trọng, chị Tr không làm tròn bổn phận làm vợ và làm mẹ, hay so sánh anh kiếm tiền không bằng người khác. Anh cũng nghi ngờ chị Tr có quan hệ bất chính với người khác. Chị Tr đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Tuy nhiên, anh xác định anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Tr. Vì vậy, chị Tr xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có ba con chung là Dương Thùy Dung, sinh ngày 25/4/2013; Dương Việt Hoàng, sinh ngày 04/11/2014 và Dương Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2020. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Dương Thùy Dung và Dương Việt Hoàng, cháu Dương Yến Nhi còn nhỏ nên để mẹ nuôi. Anh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Anh L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 Điều 147, Điều 227 Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tr được ly hôn anh L

Về con chung: Giao cho chị Tr được nuôi dưỡng con chung Dương Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2020; giao cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Dương Thùy Dung, sinh ngày 25/4/2013; Dương Việt Hoàng, sinh ngày 04/11/2014 và

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Tr phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Đậu Thị Tr xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Dương Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tr và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị Tr cho rằng do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, chửi mắng nhau, anh L chơi bời, rượu chè, trai gái; vợ chồng ly thân 11/2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L. Anh L cho rằng quá trình vợ chồng chung sống chị Tr và gia đình chị Tr không tôn trọng anh; chị Tr không làm tròn bổn phận của người vợ, người mẹ. Nay chị Tr xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị Tr và đề nghị vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy anh L mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị Tr bỏ ra ở riêng từ tháng 11/2021 đến nay đã là 04 tháng nhưng anh L không có biện pháp tích cực nào để vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa chị Tr vẫn kiên quyết xin ly với anh L và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh L được. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần xử cho chị Tr được ly hôn anh L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3] *Về con chung:* Chị Tr và anh L cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Dương Thùy Dung, sinh ngày 25/4/2013; Dương Việt Hoàng, sinh ngày 04/11/2014 và Dương Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2020. Vợ chồng ly hôn chị Tr đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung là Dương Việt Hoàng và Dương Thảo Nhi. Anh L đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung là Dương Việt Hoàng và Dương Thùy Dung. Hội đồng xét xử xét thấy: Quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung của cả chị Tr và anh L là như nhau và nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Hiện nay chị Tr và anh L đều đi làm và có thu nhập. Vì vậy, cả anh L và chị Tr đề có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Hoàng và cháu Dung đều có nguyện vọng ở với bố và từ khi chị Tr về nhà đẻ ở thì anh L vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho hai cháu. Cháu Nhi còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nhiều hơn.Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển tốt nhất cho các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị Tr được nuôi dưỡng con chung Dương Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2020. Giao cho anh L được nuôi dưỡng hai con chung là Dương Thùy Dung, sinh ngày 25/4/2013 và Dương Việt Hoàng, sinh ngày 04/11/2014 là phù hợp, có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr và anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác:* chị Tr và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Đậu Thị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đậu Thị Tr được ly hôn với anh Dương Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Đậu Thị Tr được nuôi dưỡng con chung Dương Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2020. Giao cho anh L được nuôi dưỡng hai con chung là Dương Thùy Dung, sinh ngày 25/4/2013 và Dương Việt Hoàng, sinh ngày 04/11/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết. Chị Đậu Thị Tr và anh Dương Văn L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đậu Thị Tr phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0007875 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị Tr đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Ngọc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Oanh